

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày / /2026 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	37.357.382.000	37.357.382.000	37.357.382.000	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	37.357.382.000	37.357.382.000	37.357.382.000	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ						
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo						
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
5	Chi bảo đảm xã hội	37.357.382.000	37.357.382.000	37.357.382.000	0	0	0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	37.357.382.000	37.357.382.000	37.357.382.000	0	0	0
-	KP thực hiện chế độ mai táng phí theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (QĐ 49, 40, 290, 62, 142, 112, 150)	5.270.568.000	5.270.568.000	5.270.568.000			
-	KP quà nhân dịp Lễ, Tết người có công với cách mạng, thờ cúng liệt sĩ, thăm tặng quà đơn vị, địa phương, đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, đồng chí quân nhân vùng biên giới, hải đảo	32.086.814.000	32.086.814.000	32.086.814.000			
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
II	Nguồn vốn viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						